

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

- Tên chương trình: Hệ thống thông tin quản lý
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Hệ thống thông tin quản lý
- Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- Mã ngành đào tạo: 52.34.04.05

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.2 Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có khả năng **phân tích, tư vấn, thiết kế, phát triển và triển khai** các giải pháp hệ thống thông tin để giải quyết các vấn đề kinh doanh, quản lý, và đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lực chất lượng cao trong thời đại công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

#### 1.3 Mục tiêu cụ thể

*Mục tiêu I:* Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý **có đầy đủ kiến thức** chuyên môn cần thiết về công nghệ thông tin **ứng dụng** trong kinh doanh; **nắm vững** các quy trình kinh doanh và quản trị doanh nghiệp;

*Mục tiêu II:* Đào tạo những chuyên gia **hiểu rõ** sự phối hợp giữa các yếu tố **công nghệ, quản trị** và **con người** trong một hệ thống thông tin quản lý, **vận dụng** các hệ thống thông tin quản lý trong việc giải quyết các vấn đề quản trị của tổ chức;

*Mục tiêu III:* Đào tạo đội ngũ những chuyên gia Hệ thống thông tin quản lý có khả năng **phân tích, thiết kế, phát triển, triển khai** và **vận hành** các dự án Hệ thống thông tin ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế, quản lý;

*Mục tiêu IV:* Đào tạo những chuyên gia Hệ thống thông tin quản lý có khả năng **đánh giá, lựa chọn, đề xuất** và **tư vấn** các giải pháp dựa trên nền tảng công nghệ thông tin

hiện đại để giải quyết các vấn đề quản trị cụ thể trong quản lý và điều hành tổ chức, doanh nghiệp; Có khả năng và tầm nhìn trong việc ứng dụng các công nghệ quản lý hiện đại để tăng cường hiệu quả quản trị dẫn đến tăng cường sức mạnh cạnh tranh cho doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế;

*Mục tiêu V: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.*

#### **1.4 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)**

<b>Chuẩn đầu ra chương trình</b>	
<b>1. CÁC KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ</b>	
<b>1.1 KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH HTTTQL</b>	
1.1.1	Toán học
1.1.2	Tin học
1.1.3	Kinh tế
1.1.4	Quản lý
1.1.5	Pháp luật
1.1.6	Kiến thức về chính trị, xã hội, tâm lý
<b>1.2 KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH HTTTQL</b>	
1.2.1	Các mô hình tổ chức, lưu trữ, xử lý và khai thác dữ liệu
1.2.2	Hạ tầng công nghệ thông tin
1.2.3	Kỹ thuật lập trình
1.2.4	Các phương pháp Phân tích và Thiết kế hệ thống, ngôn ngữ mô hình hóa
1.2.5	Kế toán quản trị
1.2.6	Hệ thống thông tin quản lý
1.2.7	Thương mại điện tử
<b>1.3 KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HTTTQL</b>	

1.3.1	Phát triển ứng dụng kinh doanh và quản lý
1.3.2	Các Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
1.3.3	Các quy trình kinh doanh và quản lý
1.3.4	Các mô hình tích hợp giữa các quy trình kinh doanh với hệ thống thông tin
1.3.5	Các mô hình hỗ trợ ra quyết định dựa trên phân tích dữ liệu
1.3.6	An ninh hệ thống thông tin
1.3.7	Chiến lược phát triển HTTT
<b>2. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>2.1 CÓ KHẢ NĂNG LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ QUẢN TRỊ BẰNG CÁC GIẢI PHÁP HTTTQL</b>	
2.1.1	Xác định và phát biểu vấn đề
2.1.2	Mô hình hoá vấn đề và giải pháp
2.1.3	Ước lượng và phân tích định tính
2.1.4	Khả năng phân tích với các yếu tố bất định
2.1.5	Hình thành giải pháp và các đề xuất
<b>2.2 CÓ KHẢ NĂNG THỬ NGHIỆM, NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC</b>	
2.2.1	Xây dựng giả thuyết
2.2.2	Sử dụng các kỹ thuật khảo sát
2.2.3	Điều tra thực nghiệm
2.2.4	Kiểm định giả thuyết và bảo vệ giả thuyết
<b>2.3 KHẢ NĂNG TƯ DUY TẦM HỆ THỐNG</b>	
2.3.1	Khả năng tư duy tổng thể hệ thống
2.3.2	Xác định các thành tố và tương tác giữa các thành tố trong hệ thống
2.3.3	Xác định mức độ ưu tiên, cấp phát nguồn lực, điều chỉnh và giải quyết tranh chấp giữa các thành tố

<b>2.4 CÓ NHẬN THỨC VỀ TƯ TƯỞNG, THÁI ĐỘ VÀ TINH THẦN HỌC TẬP</b>	
2.4.1	Sáng kiến và sẵn sàng quyết định chấp nhận rủi ro
2.4.2	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt
2.4.3	Tư duy sáng tạo
2.4.4	Tư duy suy xét
2.4.5	Sự tự nhận thức, nhận thức về kiến thức và tích hợp kiến thức
2.4.6	Học tập và rèn luyện suốt đời
2.4.7	Quản lí thời gian và nguồn lực
<b>2.5 ĐẠO ĐỨC, CÔNG BẰNG VÀ CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC</b>	
2.5.1	Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và trách nhiệm xã hội
2.5.2	Hành xử chuyên nghiệp
2.5.3	Có tầm nhìn và định hướng trong cuộc sống
2.5.4	Cập nhật kiến thức và thông tin trong lĩnh vực kinh doanh và Hệ thống thông tin quản lý
2.5.5	Chấp nhận sự khác biệt và công bằng
2.5.6	Tin cậy và gắn bó với tổ chức
<b>3 LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</b>	
<b>3.1 LÀM VIỆC NHÓM</b>	
3.1.1	Hình thành nhóm hiệu quả
3.1.2	Hoạt động nhóm
3.1.3	Phát triển nhóm
3.1.4	Lãnh đạo nhóm
3.1.5	Làm việc với các loại nhóm khác nhau
<b>3.2 GIAO TIẾP</b>	

3.2.1	Lựa chọn chiến lược giao tiếp
3.2.2	Lựa chọn cách thức giao tiếp phù hợp
3.2.3	Giao tiếp bằng văn bản
3.2.4	Giao tiếp thông qua các phương tiện điện tử và đa truyền thông
3.2.5	Giao tiếp bằng đồ họa
3.2.6	Thuyết trình
3.2.7	Hỏi, nghe và đối thoại
3.2.8	Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột
<b>3.3 GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ</b>	
3.3.1	Giao tiếp bằng tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng: Nghe, đọc 500; Nói viết 221 hoặc các chứng chỉ khác tương đương)
<b>4. NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI HTTTQL TRONG DOANH NGHIỆP</b>	
<b>4.1 XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC BỐI CẢNH BÊN NGOÀI HỆ THỐNG</b>	
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm cử nhân ngành HTTT
4.1.2	Tác động của lĩnh vực HTTTQL đối với xã hội và môi trường
4.1.3	Các quy tắc xã hội của lĩnh vực HTTTQL
4.1.4	Các bối cảnh lịch sử và văn hóa
4.1.5	Phát triển một quan điểm toàn cầu
<b>4.2 BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ LĨNH VỰC KINH DOANH</b>	
4.2.1	Các hình thái văn hóa doanh nghiệp
4.2.2	Tầm nhìn, chiến lược và mục tiêu của doanh nghiệp
4.2.3	Nhận diện cơ hội kinh doanh thông qua triển khai và vận hành các HTTTQL
4.2.4	Các mô hình cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp
4.2.5	Các mô hình cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp có quy mô toàn cầu

4.2.6	Phát triển các công nghệ mới
4.2.7	Vấn đề quản trị và kiểm soát tài chính
4.3 HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG GIẢI PHÁP HTTTQL VÀ MÔ HÌNH HÓA HỆ THỐNG	
4.3.1	Khảo sát hiện trạng
4.3.2	Xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu
4.3.3	Phân tích các yêu cầu chức năng, định nghĩa các khái niệm và kiến trúc
4.3.4	Mô hình hoá hệ thống và các giao tiếp
4.3.5	Xác định các vấn đề liên quan đến phát triển và quản trị dự án trong tương lai
4.4 THIẾT KẾ	
4.4.1	Khả năng vận dụng các quy trình khoa học và công cụ trong thiết kế
4.4.2	Khả năng vận dụng các kiến kỹ thuật, khoa học và nghiệp vụ trong thiết kế
4.4.3	Thiết kế các quy trình nghiệp vụ tương lai
4.4.4	Thiết kế hạ tầng công nghệ thông tin
4.4.5	Thiết kế cơ sở dữ liệu
4.4.6	Thiết kế các quy trình xử lý, các giao tiếp và các quy tắc xử lý
4.4.7	Thiết kế các quy tắc quản trị chất lượng, cài đặt, giám sát và kiểm thử, an toàn hệ thống, bảo mật hệ thống, phát triển hệ thống
4.5 XÂY DỰNG	
4.5.1	Lập kế hoạch xây dựng hệ thống
4.5.2	Quản lý quá trình xây dựng hệ thống
4.5.3	Sử dụng các ngôn ngữ lập trình, các công cụ phát triển và quản trị dự án
4.5.4	Xây dựng và tích hợp các thành phần phần cứng và phần mềm
4.5.5	Giám sát, kiểm thử, xác nhận và chứng nhận hệ thống
4.6 TRIỂN KHAI	

4.6.1	Lập kế hoạch triển khai, xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả triển khai.
4.6.2	Xây dựng tài liệu và quy trình huấn luyện
4.6.3	Quản lý vòng đời của hệ thống
4.6.4	Quản trị vận hành hệ thống
4.6.5	Phát triển và cải thiện hệ thống

## 2. Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

130 tín chỉ không kể khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và ngoại ngữ.

### 4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Không phải bổ túc kiến thức:
  - o Người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề;
  - o Người đã tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở, đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa THPT đạt yêu cầu theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phải bổ túc kiến thức: không tuyển sinh
- **Khối tuyển sinh:** A00, A01, D01, và D90 (Toán, Anh văn và tổ hợp bài thi Khoa học tự nhiên).

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

#### 5.1 Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

## 5.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ số TC của ngành đào tạo;
- Đạt điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa theo quy định;
- Đạt các chứng chỉ GDQP, chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Điều kiện ngoại ngữ : Giao tiếp bằng tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng: Nghe, đọc 500; Nói viết 221 hoặc các chứng chỉ khác tương đương)

## 6. Thang điểm

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

## 7. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy:

### HỌC KỲ I – 22 TC (không bao gồm giáo dục thể chất)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>20</b>	<b>18</b>	<b>2</b>		
1	<b>GEN1001</b>	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	5			
2	<b>ECO1001</b>	Kinh tế học vi mô 1	3	3			
3	<b>LAW1001</b>	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	3			
4	<b>MAT1001</b>	Toán cao cấp (5TC)	5	5			



5	<b>MIS1003</b>	Tin học cơ sở		2	0	2		
6	<b>MIS1001</b>	Giới thiệu ngành (406)		2	2			
		<b>Môn học tự chọn</b>		<b>2</b>	<b>2</b>			
7	<b>GEN1101</b>	Tâm lý học đại cương	<b>2 môn chọn 1</b>	2	2			
8	<b>GEN1102</b>	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2			
9	<b>GEN1004</b>	Giáo dục thể chất 1		3	3			

### HỌC KỲ II – 21 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>1</b>		
1	<b>LAW1501</b>	Luật doanh nghiệp	3	3			
2	<b>ECO1002</b>	Kinh tế vĩ mô 2	3	3			
3	<b>ACC1013</b>	Nguyên lý kế toán	3	3			
4	<b>BUS 1100</b>	Quản trị học căn bản	3	3			
5	<b>MAT1002</b>	Lý thuyết xác suất	2	2			<b>MAT1001</b>
6	<b>MIS1006</b>	Kỹ thuật lập trình	3	2	1		<b>MIS1003</b>
		<b>Môn học tự chọn</b>	<b>4</b>	<b>4</b>			
7	<b>GEN1105</b>	Văn hóa học	<b>2 môn chọn 1</b>	2	2		
8	<b>GEN1106</b>	Xã hội học		2	2		
9	<b>GEN1103</b>	Địa chính trị thế giới	<b>2 môn chọn 1</b>	2	2		
10	<b>GEN1104</b>	Quan hệ quốc tế		2	2		
11	<b>GEN1005</b>	Giáo dục thể chất 2		2	2		

12	<b>GEN1006</b>	Giáo dục QP (4 tuần)	165t				
----	----------------	----------------------	------	--	--	--	--

### HỌC KỲ III (NĂM 2): 23 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>2</b>		
1	<b>GEN1002</b>	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3			
2	<b>BUS 1200</b>	Marketing căn bản	3	3			
3	<b>FIN1101</b>	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3			<b>ECO1001</b> <b>ECO1002</b>
4	<b>ACC1023</b>	Kế toán tài chính	3	3			<b>ACC1013</b>
5	<b>MIS1007</b>	Toán cho tin học	3	2	1		<b>MIS1006</b>
6	<b>MIS1008</b>	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1		<b>MIS1006</b>
		<b>Môn học tự chọn</b>	<b>5</b>	<b>5-4</b>	<b>0-1</b>		
7	<b>MIS1004</b>	Tin học ứng dụng	2 môn chọn 1	3	2	1	
8	<b>GEN1107</b>	Logic học		3	3		
9	<b>ECO1003</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 môn chọn 1	2	2		
10	<b>BUS 1303</b>	Kỹ năng làm việc theo nhóm		2	2		

### HỌC KỲ IV: 15TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>15</b>	<b>12</b>	<b>3</b>		
1	<b>GEN1003</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			

2	<b>COM1001</b>	Kinh tế học quốc tế	2	2			
3	<b>MIS1005</b>	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1		
4	<b>MIS1011</b>	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		<b>MIS1007</b>
5	<b>MIS1010</b>	Mạng máy tính	3	2	1		<b>MIS1003</b>
6	<b>MIS1009</b>	Hệ thống thông tin quản lý	3	3			<b>MIS1001</b>

### HỌC KỲ V: 15 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>5</b>		
1	<b>MIS1013</b>	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	3	2	1	<b>MIS1011</b>	
2	<b>MIS1012</b>	Thiết kế & Lập trình Web Kinh doanh	3	2	1		<b>MIS1006</b> <b>MIS1003</b>
3	<b>MIS1017</b>	Phân tích & thiết kế Hệ thống thông tin quản lý	3	2	1		<b>MIS1009</b> <b>MIS1011</b>
4	<b>MIS1015</b>	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP	3	2	1		
5	<b>MIS1020</b>	Khai phá dữ liệu & Nhà kho dữ liệu	3	2	1	<b>MIS1011</b>	

### HỌC KỲ VI: 18TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>12</b>	<b>7</b>	<b>5</b>		
1	<b>MIS1019</b>	Quản lý dự án Hệ thống thông tin	3	2	1	<b>MIS1009</b>	
2	<b>MIS1029</b>	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin quản lý	3				

3	<b>MIS1033</b>	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	2	1		<b>MIS1011</b>
4	<b>MIS1034</b>	Thương mại điện tử	3	3			<b>MIS1012</b>
		<b>Môn học tự chọn chuyên sâu</b>	<b>6</b>	<b>4-2</b>	<b>2-4</b>		
5	<b>MIS1022</b>	Kế toán tin học	2 môn chọn 1	3	0	3	<b>ACC1013</b>
6	<b>MIS1025</b>	Thiết kế & Lập trình Web nâng cao		3	2	1	<b>MIS1012</b>
7	<b>MIS1016</b>	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	<b>MIS1015</b>	

## HỌC KỲ VII: 6 - 12TC

Đối với sinh viên học chuyên đề : 12 tín chỉ

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>		
1	<b>MIS1053</b>	<b>Chuyên đề 1: Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu nâng cao</b> <i>(Đối với SV không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)</i>	2	2			
2	<b>MIS1054</b>	<b>Chuyên đề 2: Kiểm thử hệ thống</b> <i>(Đối với SV không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)</i>	2				
3	<b>MIS1055</b>	<b>Chuyên đề 3: Kiểm toán Công nghệ thông tin</b> <i>(Đối với SV không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)</i>	2				
		<b>Môn học tự chọn chuyên sâu</b>	<b>6</b>	<b>4-5</b>	<b>2-1</b>		
4	<b>ACC1503</b>	Lý thuyết Kiểm toán	2 môn chọn 1	3	3	0	
5	<b>MIS1024</b>	Lập trình Cơ sở dữ liệu		3	2	1	MIS1011, MIS1006

6	MIS1023	Hệ thống thông tin kế toán	2 môn chọn 1	3	2	1		MIS1022
7	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở		3	2	1	MIS1011, MIS1012	

### HỌC KỲ VIII: 4 - 10 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1		Thực tập tốt nghiệp	4		4		
2		Thực tập + Khóa luận tốt nghiệp (Đối với SV làm khóa luận TN)	10		10		

### KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

Lưu ý: Sinh viên phải hoàn thành 130 tín chỉ để được nhận bằng tốt nghiệp:

- Đối với sinh viên không làm luận văn: trong đó có 118 tín chỉ bắt buộc, 12 tín chỉ tự chọn môn học chuyên sâu ngành.
- Đối với sinh viên làm luận văn: trong đó 112 tín chỉ bắt buộc, 06 tín chỉ sinh viên làm khóa luận và 12 tín chỉ tự chọn môn học tự chọn chuyên sâu ngành.

#### **KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG** (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

**Chương trình giáo dục: Kinh tế học(chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

**Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

**Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

**Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

**Chương trình giáo dục: Ngân hàng (chọn 12 TC)**

ST T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

**Chương trình giáo dục: Tài chính doanh nghiệp (chọn 12 TC)**

ST T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			

**Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC1034	

**Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC1034	

**Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)**

*(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)*

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
<b>Ghi chú: Sinh viên chọn 4 trong 5 môn học</b>				9	3		



1	MIS1017	Phân tích & Thiết kế Hệ thống thông tin quản lý	3	3		MIS1011	
2	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP	3	2	1	MIS1015	
3	MIS1016	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP – P2	3	2	1		
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
5	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	2	1		MIS1011

**Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)**  
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
<b>Nhóm 1</b>							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	3		MIS1015	
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
<b>Nhóm 2</b>							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
4	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	3			MIS1011

**Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi

1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	<b>Chọn 3 trong 5 môn</b>		
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3			
3	BUS 1205	Quản trị marketing	3			
4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3			
5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3			
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	<b>Chọn 1 trong 2 môn</b>		
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3			

**Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

**Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103

							LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

**Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207